

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh; ông Phan Văn Tiến.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 88/2023/TLST-HNGĐ ngày 22/12/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-DS ngày 16/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Thiên N; sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân H; sinh năm: 1990; địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Thiên N trình bày:

Về hôn nhân, chị và anh Nguyễn Xuân H đăng ký kết hôn vào ngày 12/3/2015 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung và đã ly thân 02 năm vì lý do không hợp nhau. Nay vì mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể

hòa giải, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trà M, sinh ngày 20/02/2016, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân của anh H, chị N, giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin về cư trú; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; bản tự khai.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân H: Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H theo thủ tục tố tụng nhưng anh H không phối hợp có mặt tại Tòa án để làm việc.

Ngày 29/02/2024, Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Nguyễn Xuân H. Tại biên bản xác minh với Công an xã H, huyện H cung cấp thông tin: Qua kiểm tra trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thì anh Nguyễn Xuân H, sinh ngày 02/7/1990; có nơi thường trú và nơi ở hiện tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tuy nhiên, hiện nay anh H đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương; khi đi anh H không thông báo, không làm thủ tục đăng ký tạm vắng, anh H vẫn thường về thăm gia đình; dịp Tết nguyên đán 2024 anh H có về ăn tết cùng gia đình tại nhà bà Phạm Thị V ở thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến trực tiếp tại nhà anh Nguyễn Xuân H (ở cùng mẹ là bà Phạm Thị V) để lấy lời khai nhưng anh H không có mặt nên không lấy lời khai được và tại buổi làm việc ngày 29/02/2024 bà Phạm Thị V (mẹ đẻ của anh H) cung cấp thông tin: Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và đã gọi điện thông tin cho anh H biết việc chị N làm đơn xin ly hôn; anh H trả lời rằng anh không đồng ý ly hôn, do đó về con chung anh không có ý kiến gì. Anh H đi làm ăn xa nhưng vẫn thường về thăm gia đình. Dịp Tết nguyên đán 2024 vừa rồi anh có về ăn Tết cùng gia đình và biết việc chị N đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhưng anh H muốn vợ chồng đoàn tụ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân, chị N, anh H trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N, anh H nảy sinh mâu thuẫn, đã ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, do đó mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên đề nghị xử cho chị N được ly hôn anh H; về con chung, chị N, anh H có 01 con chung, đề nghị giao con chung tên là Nguyễn Trà M, sinh ngày 20/02/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét; về tài sản chung, các đương sự không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét; về án phí, đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Lê Thị Thiên N có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Xuân H có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã H, huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các thông báo hòa giải cho các bên đương sự theo thủ tục tố tụng. Bị đơn anh H không có mặt tại Tòa án để tham gia các buổi hòa giải. Do đó, vụ án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh H theo khoản 5 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh H trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13/2015, ngày 12/3/2015 nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị N và anh H do không cùng quan điểm sống, nên nảy sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình xác minh cho thấy anh H không đồng ý ly hôn và không phối hợp

có mặt tại Tòa án. Tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, vì cho rằng không còn tình cảm, không thể sống chung với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị N, anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, đồng ý cho chị N được ly hôn anh H.

[2.2] Về con chung: Các bên đương sự có 01 con chung tên là Nguyễn Trà M, sinh ngày 20/02/2016, hiện đang học lớp 2 tại Trường Tiểu học P. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Trà M hiện nay do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, được cho ăn học, phát triển bình thường. Để bảo đảm sự ổn định tâm sinh lý, việc học tập, phát triển bình thường của con dưới 18 tuổi, Hội đồng xét xử cần giao con chung là cháu Nguyễn Trà M cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau khi hôn theo quy định tại Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Thiên N được ly hôn với anh Nguyễn Xuân H.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Thiên N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Trà M, sinh ngày 20/02/2016, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con sau khi hôn theo quy định.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thiên N phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, chị N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007978 ngày 22/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Thiên N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Xuân H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã Hương Trạch, Hương Khê;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu HSVA; VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng